

Số: **167** /NMI
Về việc làm rõ HSMT và gia hạn đóng
thầu gói thầu VTC 24-01 “Cung cấp giấy
in bảo an mã hiệu B04 năm 2024”

Hà Nội, ngày **10** tháng 04 năm 2024

Kính gửi: Các nhà thầu nhận HSMT gói thầu VTC24-01
“Cung cấp giấy in bảo an mã hiệu B04 năm 2024”

Tiếp theo công văn số 160/NMI ngày 08/4/2024 của Nhà máy In tiền Quốc gia (Bên mời thầu) về việc làm rõ HSMT gói thầu VTC 24-01 “Cung cấp giấy in bảo an mã hiệu B04 năm 2024”, theo đề nghị của một nhà thầu đã nhận HSMT, chúng tôi xin làm rõ thêm như sau:

1. Đối với nội dung liên quan đến tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa và xác định sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam, nhà thầu hỏi: “Chủ đầu tư làm thế nào để đảm bảo việc tính toán các giá trị ưu đãi một cách chính xác nếu không có quy định về định mức tiêu hao vật tư? Nhà thầu phải nộp các văn bản/ chứng từ gì để xác minh rõ các chi phí được khai báo được phản ánh chính xác các chi phí phát sinh là được dùng cho sản xuất sản phẩm (mà sản phẩm chỉ đang trong quá trình được đấu thầu)?”.

Bên mời thầu trả lời như sau:

- Khoản 2 Điều 134 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 quy định: “2. Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu được xác định theo quy định của pháp luật thương mại về cách thức xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, pháp luật về công nghệ thông tin đối với sản phẩm phần mềm công nghệ thông tin. Quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 của Nghị định này có hiệu lực cho đến khi pháp luật thương mại có quy định về cách thức xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.”

- Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có thể áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau:

Công thức trực tiếp: $D (\%) = G^*/G \times 100\%$

Công thức gián tiếp: $D (\%) = (G - C)/G \times 100\%$

Trong đó:

G^* : Là chi phí sản xuất trong nước;

G : Là giá chào của hàng hóa trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa;

C: Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu;

D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. $D \geq 30\%$ thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 35.3. CDNT.

Như vậy, theo quy định thì HSMT không phải nêu cụ thể về đại lượng G^* hoặc G được tính như thế nào. Các nhà thầu tham gia dự thầu có trách nhiệm kê khai đầy đủ, trung thực thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 14A, 14A1 và 14A2 để Bên mời thầu có cơ sở xem xét, đánh giá.

Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi; Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì Bên mời thầu không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi; Trường hợp nhà thầu kê khai không đủ, không rõ thì Bên mời thầu sẽ tiến hành làm rõ HSDT của nhà thầu trong quá trình xem xét, đánh giá (nếu cần) theo quy định của HSMT và pháp luật về đấu thầu.

2. Về câu hỏi “Giấy nền polymer có được coi là sản phẩm sáng tạo không và vì sao? Nếu là sản phẩm sáng tạo thì điểm nào trong Khoản 4, Điều 5 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP được áp dụng để giải thích rằng giấy nền polymer là sản phẩm sáng tạo? Nhà thầu phải cung cấp các chứng từ nào để chứng minh nội dung này?”

Bên mời thầu trả lời như sau:

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu của HSMT quy định chi tiết về các điều kiện được hưởng ưu đãi đối với sản phẩm sáng tạo xuất xứ Việt Nam (được xây dựng căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024).

Khi xem xét hàng hóa chào thầu có phải là “sản phẩm đổi mới sáng tạo” hay không thì Bên mời thầu xem xét sản phẩm cụ thể đó gắn với một nhà sản xuất cụ thể. Bên mời thầu sẽ căn cứ vào việc kê khai thông tin và các tài liệu xuất trình của nhà thầu chứng minh rằng sản phẩm của nhà thầu có thuộc đối tượng đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam theo Khoản 4 Điều 5 Nghị định 24/2024/NĐ-CP hay không (Ví dụ: Bên mời thầu có thể xem xét, đối chiếu theo quy định tại Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; xem xét nhà thầu có các tài liệu hợp lệ được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hay không...).

3. Về nội dung liên quan đến cách tính ưu đãi đối với sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, nhà thầu hỏi: “Về điều khoản CDNT31.4, 2c, trang 3 Sửa đổi số 128/NMI, nhà thầu hiểu rằng nếu nhà thầu

trong nước đáp ứng hai tiêu chuẩn (sản phẩm sáng tạo và có tỷ lệ chi phí nội địa chiếm từ 50% trở lên), giá đánh giá của nhà thầu nước ngoài phải cộng thêm 15% và giá đánh giá của nhà thầu trong nước thuộc đối tượng ưu đãi phải cộng thêm 5%? Cách hiểu trên có đúng không? Nếu không đúng, đề nghị làm rõ”.

Bên mời thầu trả lời như sau:

Sửa đổi HSMT số 128/NMI quy định tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về tài chính sử dụng “phương pháp giá thấp nhất” để so sánh, xếp hạng nhà thầu; không phải “phương pháp giá đánh giá”. Nội dung liên quan đến cách tính ưu đãi đối với sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam đã được Bên mời thầu làm rõ, dẫn chiếu theo quy định tại Điểm c khoản 2 mục CNDT 31.3 Chương II HSMT:

“c) Sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam được hưởng ưu đãi như sau:

Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất, hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 15% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng;”

Quy định trên cần được hiểu như sau:

Đây là một trong những quy định về “Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam” theo Điều 5 Nghị định 24/2024/NĐ-CP. Về nguyên tắc, hàng hóa thuộc đối tượng hưởng ưu đãi là hàng hóa xuất xứ Việt Nam (trong đó bao gồm hàng hóa đổi mới sáng tạo); hàng hóa có xuất xứ từ các quốc gia và vùng lãnh thổ khác thì không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 5 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi thì có sự phân biệt các mức khác nhau về tỷ lệ phải cộng thêm vào giá dự thầu khi so sánh, đánh giá HSDT:

+ Hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam thì không phải cộng thêm đại lượng nào vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu.

+ Hàng hóa không phải là sản phẩm đổi mới sáng tạo, nhưng có xuất xứ Việt Nam và có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước khác nhau (dưới 50% hoặc từ 50% trở lên) thì phải cộng thêm một khoản tiền tương ứng (7,5% hoặc 5%) giá dự thầu, cụ thể:

- i) Hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% thì phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu.
- ii) Hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên thì phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu.

- **Đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi (không có xuất xứ Việt Nam):** phải cộng thêm khoản tiền bằng 15% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.

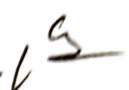
Ví dụ cụ thể:

Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	Nhà thầu C	Nhà thầu D
Hàng hóa	Xuất xứ không phải Việt Nam	Xuất xứ Việt Nam, tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%	Xuất xứ Việt Nam, tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên	Sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam
Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)	10.000.000.000 VND	10.000.000.000 VND	10.000.000.000 VND	10.000.000.000 VND
Phải cộng thêm một khoản tiền	15%; tương ứng 1.500.000.000 VND	7,5%; tương ứng 750.000.000 VND	5%; tương ứng 500.000.000 VND	không phải cộng thêm khoản tiền nào
Giá so sánh, xếp hạng (tính riêng nội dung ưu đãi)	11.500.000.000 VND	10.750.000.000 VND	10.500.000.000 VND	10.000.000.000 VND

4. Nhà máy In tiền Quốc gia xin cảm ơn sự hợp tác của các nhà thầu đã quan tâm, nhận và nghiên cứu kỹ HSMT gói thầu VTC24-01 “Cung cấp giấy in bảo an mã hiệu B04 năm 2024” của chúng tôi. Bên mời thầu rất mong các nhà thầu tham gia đấu thầu với phương án và hiệu quả tối ưu.

Để tạo điều kiện cho các nhà thầu có thêm thời gian nghiên cứu phương án dự thầu, Bên mời thầu gia hạn thời gian đóng / mở thầu như sau:

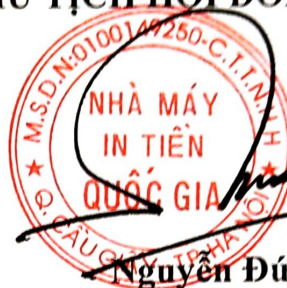
- Thời gian đóng thầu: 13 giờ 30 ngày 16 tháng 4 năm 2024.
- Thời gian mở thầu: 14 giờ 00 ngày 16 tháng 4 năm 2024.

Trân trọng thông báo và cảm ơn sự hợp tác của các nhà thầu. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS gói thầu (T.D.Dũng).
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Nguyễn Đức Cường